

Bản án số: 137/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 07-9-2023

V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Hồng Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải

Ông Nguyễn Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Vững - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 382/2023/HNST ngày 06 tháng 6 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2023/QĐXX - ST ngày 21 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Văn K, sinh năm:1980

Địa chỉ: B đường Bến N, phường R, thành phố X, tỉnh Z (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990

Địa chỉ: B - đường Bến N, phường R, thành phố X, tỉnh Z (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa, anh Lê Văn K có những yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Anh Lê Văn K và chị Nguyễn Thị N tìm hiểu nhau một thời gian, đến năm 2012, đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quang H huyện An L, Thành phố Hải P, trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn anh K, chị N, sinh sống tại số B đường Bến N, phường R, thành phố X, tỉnh Z. Cuộc sống hôn nhân của anh K, chị N hạnh phúc, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn do anh K, chị N bất đồng quan điểm sống. Anh K xác định không còn tình cảm với chị N, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hiện anh K, chị N đã sống ly thân.

Nay anh K cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết những yêu cầu sau:

Về hôn nhân: Yêu cầu được hôn với chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990; về con: Anh K, chị N có Hai người con là Lê Bảo M, sinh ngày 11-12-2012 và Lê Bảo V, sinh ngày 15-9-2015; anh K nhường quyền cho chị N được nuôi hai con; anh K tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con, mỗi con là 5.000.000đ (Năm triệu đồng)/01 tháng; về tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị N xác nhận năm 2012, chị N và anh K có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quang H, huyện An L, Thành phố Hải P, trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình sống chung tại B- đường Bến N, phường R, thành phố X, tỉnh Z, cuộc sống hôn nhân của chị N, anh K hạnh phúc.

Chị N và anh K có Hai người con là người con là Lê Bảo M, sinh ngày 11-12-2012 và Lê Bảo V, sinh ngày 15-9-2015.

Chị N cho rằng mâu thuẫn xảy ra vào năm 2022, nguyên nhân do anh K có quan hệ với người phụ nữ khác và bỏ nhà đi từ đó đến nay; chị N là người trực tiếp nuôi hai con. Trước đây chị N cũng từng nộp đơn yêu cầu được ly hôn với anh K, nhưng các con không đồng ý cho cha, mẹ ly hôn nên chị N rút đơn về. Đến nay anh K nộp đơn ly hôn chị N không đồng ý ly hôn. Còn trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn chị N yêu cầu tiếp tục được nuôi hai con và đồng ý việc anh K cấp dưỡng nuôi hai con là 10.000.000đ/ 02 con/ 01 tháng. Về tài sản chung, nợ chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị N xin Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

[1] Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành và thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn quy định tại điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; tại phiên Tòa thư ký và hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định tại Điều 51,63 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình xét xử tuân thủ đúng trình tự quy định tại các điều: Điều 228,239,254,262 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn anh Lê Văn K đã chấp hành và thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn chị Nguyễn Thị N không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều: Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con: Đề nghị giao hai con là Lê Bảo M, sinh ngày 11-12-2012 và Lê Bảo V, sinh ngày 15-9-2015 cho chị Nguyễn Thị Nga trực tiếp nuôi dưỡng;

Về cấp dưỡng nuôi con: Đề nghị hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn anh K và bị đơn chị N; anh Lê Văn K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con Lê Bảo M và Lê Bảo V; mỗi con là 5.000.000đ(Năm triệu đồng)/ 01 tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí HNST: Anh Lê Văn K phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng); án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ anh Kiểm phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại Tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu; nhận định của Tòa án:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn anh Lê Văn K và bị đơn chị Nguyễn Thị N.

Các đương sự hiện cư trú thành phố X, tỉnh Z, do đó vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố X; căn cứ khoản 1 điều 28, điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn anh Lê Văn K và bị đơn chị Nguyễn Thị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn anh Lê Văn K và bị đơn chị Nguyễn Thị N.

Về nội dung:

[2] Năm 2012, anh Lê Văn K và chị Nguyễn Thị N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quang H, huyện An L, Thành phố Hải P và chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, nên hôn nhân giữa anh K và chị N là đúng quy định của pháp luật.

Anh K cho rằng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc vì tình cảm vợ chồng không còn. Nguyên nhân do cuộc sống hôn nhân của anh K, chị N phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không hòa hợp trong cuộc sống hôn nhân; bất đồng quan điểm sống. Chị N cho rằng nguyên nhân do anh K có quan hệ với người phụ nữ khác. Hiện anh K, chị N đã sống ly thân.

Chị N xác nhận giữa chị N và anh K phát sinh mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn nêu trên nhưng chị N không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh K; Hội đồng xét xử xét thấy hạnh phúc hôn nhân phải được tạo lập trên cơ sở tự nguyện của chị N và anh K, chị N không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được chứng cứ là cuộc sống hôn nhân giữa chị N và anh K còn hạnh phúc.

Qua việc xác minh mâu thuẫn: Chính quyền địa phương nơi vợ chồng chị N, anh K cư trú, sinh sống cho biết; anh Kiểm, chị Nga cùng 02 hai con cư trú sinh sống tại số B đường Bến N, phường R, thành phố X, tỉnh Z, nhưng không biết mâu thuẫn của vợ chồng anh K, chị N.

[3] Nhận định của Hội đồng xét xử: Mâu thuẫn giữa vợ chồng anh Lê Văn K và chị Nguyễn Thị N là có thật, hiện anh K, chị N đã sống ly thân nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy; cuộc sống hôn nhân giữa anh K, chị N đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cuộc sống hôn nhân của chị N, anh K còn hạnh phúc và lại càng mâu thuẫn với ý kiến của chị N cho rằng chị N đã từng làm đơn ly hôn lý do anh K có quan hệ với người phụ nữ khác và hiện anh chị đã sống ly thân.

Từ những chứng cứ, nhận định nêu trên; Hội đồng xét xử có đủ căn cứ áp dụng Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê văn K; anh Lê văn K được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

Về con: Anh K, chị N có Hai con là Lê Bảo M, sinh ngày 11-12-2012 và Lê Bảo V, sinh ngày 15-9-2015; anh K nhường quyền trực tiếp nuôi con cho chị N;

Hội đồng xét xử xét thấy: Kể từ khi anh K, chị N sống ly thân nhau chị N là người trực tiếp nuôi hai con. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án yêu cầu chị N đưa hai con tới Tòa án để hỏi ý kiến của các cháu nhưng chị N không chấp hành nên không hỏi ý kiến của cháu M, cháu V được; nay anh K nhường quyền cho chị N trực tiếp nuôi hai con, chị N đồng ý, do đó có đủ căn cứ giao hai con là Lê Bảo M, sinh ngày 11-12-2012 và Lê Bảo V, sinh ngày 15-9-2015 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Thị N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh K trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Anh K cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của chị N; căn cứ Điều 81,82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh K; anh Lê Văn K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con, mỗi con là 5.000.000đ(Năm triệu đồng)/ 01 tháng.

Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kết thúc khi cháu M, cháu V đã thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình hoặc cháu M, cháu V được nhận làm con nuôi.

Quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo điều 119 Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành nghĩa vụ phải thực hiện thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh K chị N không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Án phí HNST: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; anh Lê Văn K phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh Kiêm đã nộp theo biên lai thu số 0000621, ngày 05-6-2023, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu; anh K đã nộp xong án phí.

Án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ: Anh Lê Văn K phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 57, Điều 81, 82, 83, 84 Điều 118 và Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

[1] Về hôn nhân: Anh Lê Văn K được ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

[2] Về con: Giao hai con là Lê Bảo M và Lê Bảo V cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh K trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Anh K cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của chị N.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Văn K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con Lê Bảo M và Lê Bảo V, mỗi con là 5.000.000đ (Năm triệu đồng)/01 tháng.

Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kết thúc khi cháu M, cháu V đã thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình hoặc cháu M, cháu V được nhận làm con nuôi.

Quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành nghĩa vụ phải thực hiện thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4]- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Văn K và chị Nguyễn Thị N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]- Án phí HNST: anh Lê Văn K phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh K đã nộp theo biên lai thu số 0000621, ngày 05-6-2023, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu; anh Kiêm đã nộp xong án phí.

[5.1]- Án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ: Anh Lê Văn K phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

[6] -Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt quyền kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc 15 ngày, tính từ ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu;
- Ủy ban nhân dân xã Quang Hưng,
huyện An Lão, Hải Phòng;,
- Lưu hồ sơ.

Trịnh Hồng Phúc

